

LUẬN VỀ KINH PHẬT ĐỊA QUYỂN 3

Kinh: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với Bồ-tát Diệu Sinh! Nên biết rằng có năm pháp thâm nhiếp địa vị Đại giác. Những gì là năm pháp? Đó là:

1. Pháp giới thanh tịnh.
2. Trí Đại viên cảnh.
3. Trí Bình đẳng tánh.
4. Trí Diệu quán sát.
5. Trí Thành sở tác”.

Luận: Như vậy đã nói xong phần Nhân duyên phát khởi nơi pháp. Sau đây là chỉ rõ phần Thánh giáo đã thuyết giảng.

Chỉ nói với một mình Bồ-tát Diệu Sinh, là vì giáo pháp tối thắng này đã trùm khắp. Vì sao Đức Thế Tôn không nói với chúng Thanh văn? Vì các Bồ-tát chuyên ý mong cầu Nhất thiết trí, nghe pháp như vậy sẽ phát sinh cách hiểu thù thắng. Đã phát sinh cách hiểu thù thắng thì có khả năng bước vào. Đã bước vào rồi mới có khả năng thực hành chân chánh. Tu hành chân chánh rồi thì thành tựu nhanh chóng. Thanh văn không có khả năng cầu Nhất thiết trí. Dù có thể mong cầu được nghe pháp như vậy, họ cũng không phát sinh cách hiểu thù thắng. Dù phát sinh cách hiểu thù thắng nhưng họ không thể tu hành chân chánh. Dù có thể tu hành chân chánh nhưng họ cũng không nhanh chóng hoàn thành được, cho nên không nói với họ.

Như vậy thì tại sao lúc Phật giảng nói kinh này các Thanh văn vẫn hiện diện dự vào chúng hội? Để làm sáng tỏ lúc đó số chúng đến dự rất đông. Bồ-tát hóa hiện chủng loại này để Thanh văn hồi hướng đến Bồ-đề, phát tâm hướng tới Đại thừa, dẫn dắt họ gia nhập đại chúng. Hoặc vì các Bồ-tát hóa hiện đưa ra danh hiệu này cho nên không mâu thuẫn.

Nói giản lược là do bốn tướng an lập Phật địa:

1. Do số lượng.
2. Do sự thâm nhiếp.
3. Do danh hiệu.
4. Do lựa chọn nghĩa sai biệt.

Nay ở đây sẽ nói về số lượng-sự thâm nhiếp, danh hiệu và sự khác nhau.

1. Do số lượng, có năm loại pháp, về sau sẽ nói đến tự tướng. Số lượng của pháp này tự tỏ rõ. Vì sao nói về số lượng? Vì quyết định: Chỉ có năm pháp chứ không thêm không bớt.

Pháp tức là nghĩa giữ lấy tự tướng, không phải là cùng nghĩa của quả dị thực khả ái.

2. Do sự thâm nhiếp thâm nhiếp trong địa vị Đại giác, Đại giác là Phật, có đủ ba loại thân:

1. Thân tự tánh.
2. Thân thọ dụng.
3. Thân biến hóa.

Sau sẽ nói rộng. Địa (quả vị) là cảnh giới của bậc Đại giác nương tựa, thâm nhiếp, hành hóa. An lập tự tướng với những duyên sai biệt, dùng tất cả các pháp làm cảnh giới. An lập với những duyên là nói đến sự thâm nhiếp tất cả, an lập tự tướng thì chỉ thâm nhiếp tự thể hợp lại làm một. Trong địa vị Đại giác có vô biên công đức, lược nói có hai loại:

1. Hữu vi.
2. Vô vi.

Công đức vô vi thuộc về pháp giới thanh tịnh, tức là công đức vô vi Chân như, đều là thể tướng sai biệt của Chân như.

Công đức hữu vi thuộc về bốn trí, vì công dụng của trí trong bậc vô lậu rất mạnh, cho nên dùng trí để hiển bày tên gọi. Hết thấy các loại tâm và pháp sở hữu của tâm, và phẩm loại của pháp đó, nếu căn cứ vào nghĩa thật, thì mỗi mỗi phẩm trí đều thâm nhiếp đầy đủ tất cả pháp môn công đức. Nếu căn cứ vào tướng thô thì trí Diệu quán sát thâm nhiếp bốn niệm trú, vì quán sát tất cả pháp như thân...

Trí Bình đẳng tánh thâm nhiếp bốn chánh đoạn và bốn vô lượng. Vì bốn chánh đoạn dù dùng tinh tiến làm tự tánh, nhưng bởi vì trí Bình đẳng tánh của Như Lai đã thâm nhiếp, cho nên không có tướng cao thấp.

Bốn vô lượng là hạnh bình đẳng đã thuộc về trí này. Bốn như ý túc lấy Tam-ma-địa làm tự tánh, cho nên thuộc về trí quán sát, nắm giữ tất cả các môn Đà-la-ni. Về môn Tam-ma-địa, đoạn kinh sau sẽ nói đến.

Như vậy, các tĩn lự giải thoát còn lại như Đẳng trì, Đẳng chí, môn Đà-la-ni, môn Tam-ma-địa, Vô tránh-nguyện trí-thông, Vô ngại giải, mười tám pháp bất cộng của Phật, mười lực-bốn pháp vô úy của Như Lai, phần nhiều đều thâm nhiếp ở trí Diệu quán sát. Thần cảnh trí thông, phần nhiều được thâm nhiếp ở trí Thành sở tác.

Lậu tận trí thông, lậu tận trí lực hoặc nói là có bốn trí thâm nhiếp trong lậu tận tương tục, hoặc nói duyên vào Niết-bàn lậu tận kia, phần nhiều đều được thâm nhiếp ở trí Đại viên cảnh và trí Bình đẳng tánh.

Năng lực của trí hành biến hành thứ bảy thuộc về bốn trí. Các căn như Tuệ..., các lực như Tuệ..., phần nhiều thâm nhiếp ở trí Đại viên cảnh và trí Bình đẳng tánh. Giác chi và Đạo chi phần nhiều được thâm nhiếp ở trí Bình đẳng tánh.

Mười trí chân vô lậu như khổ... phần nhiều thâm nhiếp ở trí Đại viên cảnh và trí Bình đẳng tánh. Pháp không quên mất, phần nhiều thâm nhiếp ở trí Đại viên cảnh. Vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tập khí tương tục, phần nhiều thâm nhiếp trong trí Đại viên cảnh của pháp giới thanh tịnh. Ba-la-mật-đa, hoặc là vô lậu, hoặc giống như hữu lậu, phần nhiều thâm nhiếp trong hai trí sau.

Các tướng tùy hình hảo, phần nhiều thâm nhiếp trong trí Thành sở tác.

Các pháp Phật còn lại như chỗ đã thích ứng, tùy thuận sự thâm nhiếp tương ứng.

Bốn trí như vậy thâm nhiếp đầy đủ tất cả địa vị Phật. Tâm vô lậu và tâm pháp, hoặc cùng có pháp, hoặc phẩm loại đã biến hiện khác nhau, thì pháp giới thanh tịnh tiếp nhận công đức của các tướng trên Chân như. Vì vậy, năm pháp thâm nhiếp đủ tất cả công đức của Phật địa.

3. Do danh hiệu, là pháp giới thanh tịnh, nói rộng cho đến trí Thành sở tác.

Pháp giới thanh tịnh là xa lìa mọi thứ chướng ngại cấu uế của tất cả khách trần trong sự nhận biết của phiền não. Tất cả các pháp hữu vi-vô vi... không làm đảo lộn thật tánh. Hết thảy thánh pháp là nhân của sự nương dựa và sinh trưởng.

Tự thể chân thật của tất cả Như Lai, từ vô thỉ đến nay, tự tánh vẫn thanh tịnh, đầy đủ các loại tánh tướng công đức, nhiều hơn số cực vi trần trong mười phương thế giới, không sinh-không diệt giống như hư không, bao trùm tất cả pháp và tất cả hữu tình, bình đẳng đều có, cùng với tất cả pháp không một-không khác, không phải có, không phải không, xa

lia tất cả tướng, tất cả phân biệt, tất cả danh từ-lời nói, đều không thể thủ đắc, chỉ là Thánh trí thanh tịnh đã chứng ngộ.

Hai Không-vô ngã đã làm sáng tỏ Chân như, là tự tánh của Chân như, các Thánh chỉ chứng ngộ từng phần, chư Phật thì chứng ngộ toàn phần viên mãn. Như vậy gọi là pháp giới thanh tịnh.

Trí Đại viên cảnh, là trí xa lia tất cả mọi chấp trước về ngã và ngã sở, xa lia mọi sự phân biệt về sở thủ và năng thủ, hành tướng của sở duyên không thể biết rõ, không ngu muội-không quên mất, nhận biết tất cả cảnh giới không phân biệt, sự sai khác của tướng cảnh, tất cả thời gian, phương hướng không gián đoạn, vĩnh viễn xa lia các chủng tử hữu lậu, mọi cấu uế của tất cả chướng phiền não.

Hết thấy chủng tử của công đức vô lậu thanh tịnh viên mãn, có thể hiện khởi-có thể sinh ra ảnh tượng nơi các trí của tất cả cảnh giới, làm nơi nương tựa cho hết thấy hình bóng thân tướng-cõi nước, giữ gìn tất cả công đức của Phật địa, cùng tận thời gian vị lai, vẫn không dứt hết. Như vậy gọi là trí Đại viên cảnh.

Trí Bình đẳng tánh, là quán sát mình và người, tất cả đều bình đẳng, tâm Đại Từ và Đại Bi luôn cùng tương ưng, thường xuyên không gián đoạn, kiến lập Phật địa với Niết-bàn vô trú, tùy theo sự ưa thích của các hữu tình, thị hiện các loại ảnh tượng của thân-cõi nước thọ dụng, không cùng nơi nương tựa với trí Diệu quán sát. Như vậy gọi là trí Bình đẳng tánh.

Trí Diệu quán sát, là đối với sự khác nhau của tất cả cảnh giới, thường xuyên quán sát không trở ngại, thâm nhiếp, giữ gìn tất cả môn Đà-la-ni, môn Tam-ma-địa, cùng các định mâu nhiệm... Đối với các chúng hội lớn, có khả năng hiện bày tất cả tác dụng tự tại, đoạn tuyệt mọi sự nghi ngờ, tuôn cơn mưa pháp vĩ đại. Như vậy gọi là trí Diệu quán sát.

Trí Thành sở tác, là trí có thể hiện hữu trùm khắp mọi thế giới, tùy thuận các hữu tình cần được giáo hóa, làm cho họ thành thực, thị hiện vô lượng vô số những biến hóa không thể nghĩ bàn của Phật, vận dụng phương tiện làm lợi ích yên vui cho tất cả hữu tình một cách thường xuyên không gián đoạn. Như vậy gọi là trí Thành sở tác.

Lại nữa, kiến lập năm pháp như vậy là vì nhân, vì quả, vì sự khác nhau của quả.

Vì nhân, tức là pháp giới thanh tịnh, nhân này có thể sinh trưởng Thánh pháp.

Vì quả, nghĩa là Thánh trí duyên vào quả kia mà sinh, cho nên

nương dựa quả ấy. Vì sự khác nhau trong quả của Thánh trí này có bốn, được kiến lập tùy thuộc vào sự khởi hiện, nghĩa là duyên vào pháp giới gìn giữ tất cả, tùy thuận nghe pháp, đối với các hữu tình chứng được tánh bình đẳng giữa mình và người, khai thị chánh pháp bằng các phương tiện thù thắng, là nhân đem lại lợi ích cho mọi người.

Lại nữa, kiến lập năm pháp như vậy, vì tự thể của Phật, vì nhân, vì quả.

Vì tự thể của Phật, là lấy Chân như thanh tịnh làm Thể tướng, và trí không phân biệt duyên vào cảnh ấy làm Thể tướng.

Nhân nghĩa là vô lượng nhân thường xuyên không gián đoạn, dùng trí Bình đẳng tánh đối với các hữu tình.

Quả nghĩa là đem lại lợi ích cho tất cả hữu tình. Vì hai trí thù thắng quán sát hữu tình có thể giáo hóa hay không giáo hóa, tùy theo sự thích nghi của họ mà hoàn thành mọi việc.

Lại nữa kiến lập năm pháp như vậy, nghĩa là đối với sự khác nhau về quả vị của Phật địa, tức là lấy quả của trí đoạn làm Thể của Phật địa. Quả đoạn tức là pháp giới thanh tịnh, vì trong đó, tất cả chướng ngại đều vĩnh viễn đoạn tuyệt.

Trí có bốn loại là trí Đại viên cảnh... Đối với cảnh giới của quả vị Phật, các phần vị của tâm và tâm pháp đã hiển hiện, do trí thù thắng nhất trong các công đức, lấy trí làm tên, vì thâm nhiếp chung tất cả công đức hữu vi.

Lại nữa, pháp môn kiến lập năm pháp đã giảng nói như vậy, thâm nhiếp tổng quát tất cả pháp Phật của Phật địa, thâm nhiếp chung các công đức vô vi. Do tuệ của nghe huân tập thành thực, gìn giữ tất cả các công đức thuộc về Phật địa. Đối với các hữu tình, thường hiện khởi sự nghiệp đem lại lợi ích yên vui và bình đẳng, đã theo đuổi các môn Đà-la-ni, môn Tam-ma-địa, với vô biên, vô lượng phước trí trang nghiêm, có thể hoàn thành tất cả sự nghiệp biến hóa, đem lại lợi ích yên vui cho hữu tình.

Lại nữa, đã nói về bốn trí như vậy, chuyển từ pháp nào mà được? Nhiếp Đại Thừa nói: Do chuyển thức uẩn mà được trí.

Vì sao chuyển tâm mà được tâm pháp và không được tâm pháp? Vì bốn tâm vô lậu và trí đều tương ứng, vì giả thuyết cho nên gọi là trí. Luận giảng giải rằng:

Hỏi: Chánh trí cho nên nói là thật có, hay cho nên nói là giả có?

Đáp: Nên nói là có cả hai, vì trong ấy trí là thật có. Nếu quyến thuộc của trí là các tâm-tâm pháp cũng gọi là trí, thì nói đó là giả, bởi

vì có hai loại. Trong đó, trí làm chủ của tâm-tâm pháp vô lậu... đều gọi là trí. Chuyển chỗ dựa của thức uẩn được bốn trí vô lậu tương ứng với tâm, nghĩa là tâm Đại viên cảnh, nói rộng cho đến tâm Thành sở tác. Chuyển Thức thứ tám thành trí Đại viên cảnh tương ứng với tâm, có thể duy trì tất cả chủng tử công đức, có thể biến hiện, có thể sinh ra tất cả thân tướng và cõi nước, là ảnh tượng của trí.

Chuyển thức thứ bảy thành trí Bình đẳng tánh tương ứng với tâm, xa lìa sự khác nhau của hai chấp về mình và người, chứng ngộ được tánh bình đẳng của tất cả các pháp.

Chuyển Thức thứ sáu thành trí Diệu quán sát tương ứng với tâm, có thể quán sát tất cả đều không ngăn ngại.

Chuyển năm hiện thức thành trí Thành sở tác tương ứng với tâm, có thể hoàn thành mọi công việc bên ngoài một cách hiện thực.

Lại có nghĩa: Chuyển Thức thứ sáu được Thành sở tác, chuyển năm hiện thức thành Diệu quán sát. Việc này không phải vậy, vì không theo thứ tự, công việc nói pháp là dẹp bỏ mọi sự nghi ngờ, và quán sát cùng khắp không phải là tác dụng của năm hiện thức.

Như vậy, chuyển biến loại trừ bốn phẩm tương ứng với tâm và tâm pháp tương ứng trong phần vị sinh tử, trở thành bốn phẩm tương ứng với tâm và tâm pháp tương ứng của quả vị Phật, đều gọi là trí.

Lại nữa, đã nói bốn trí tương ứng với phẩm tâm như vậy là duyên với những gì? Trí Đại viên cảnh tương ứng với phẩm tâm. Hoặc nói một tướng, là trí không phân biệt chỉ duyên với Chân như, chứ không phải là trí hậu đắc, vì hành tướng của sở duyên không thể nhận biết. Hoặc nói đủ các tướng, duyên với tất cả pháp. Luận Trang Nghiêm nói: “Trí Đại viên cảnh hiện bày trùm khắp tất cả cảnh giới đã được nhận biết, không tối tăm mê muội”. Trong kinh này nói, như dựa vào gương sáng tròn, mọi hình tượng đều hiện bày. Như vậy, dựa vào gương trí của Như Lai, các xứ-cảnh-thức với mọi hình tượng đều hiện bày.

Nói các xứ, là sáu xứ bên trong.

Nói các cảnh, là sáu cảnh bên ngoài.

Nói các thức, là sáu thức.

Như vậy, trên trí có mọi cảnh tượng của mười tám giới ảnh hiện. Vì vậy biết trí này duyên với tất cả pháp. Do gương trí này duyên với tất cả pháp trong tất cả thời gian, cho nên nói Đức Như Lai đầy đủ tất cả trí. Nếu không như vậy, thì các trí còn lại không chắc chắn nhận biết tất cả pháp và Đức Như Lai không thể gọi là bậc Nhất thiết trí.

Trí-cảnh như vậy, bên trong duyên với chủng tử công đức của tự

Thể, bên ngoài duyên với tất cả cảnh giới đã được nhận biết, hoặc là chân, hoặc là tục, hiện bày tất cả ảnh tượng của thân tướng-quốc độ...

Duyên vào bên nghĩa Chân thì gọi là Trí vô phân biệt. Duyên vào bên nghĩa Tục thì gọi là Trí hậu đắc. Mặc dù duyên vào tất cả nhưng đối với các hành tướng vi tế thì không thể biết rõ, như A-lại-da, dù duyên với ba cảnh, vì quá vi tế cũng nói là duyên với cảnh, nhưng không thể biết rõ. Không cho nên viện cớ không thể biết rõ mà chứng minh Trí cảnh này chỉ duyên với Chân như của trí vô phân biệt, chứ không phải là trí hậu đắc. Các tâm-tâm pháp, dù tự Thể chỉ là một nghĩa, nhưng công dụng của nó thì có nhiều, và tùy theo sự khác biệt của công dụng mà chia ra làm hai trí, cũng không có lỗi gì.

Cần phải đạt lý Chân mới biết được sự Tục, cho nên dù là nghĩa của một tâm mà nói có trước và sau, hoặc vì giống như ở sau, cho nên được gọi là Trí hậu đắc.

Các trí khác cũng như vậy. Trí Bình đẳng tánh tương ứng với phẩm tâm. Có nghĩa, trí này chỉ duyên với trí Đại viên cảnh. Như ý thức nhiệm ô duyên với A-lại-da làm cảnh giới.

Có nghĩa; trí này chỉ duyên với thật tế, Chân như, duyên với tánh bình đẳng làm cảnh giới.

Về nghĩa như thật; trí này cũng duyên với hết thấy làm cảnh, tức là duyên khắp tất cả tánh bình đẳng. Luận Trang Nghiêm nói: “Trí Bình đẳng tánh duyên với tất cả hữu tình, vì mình và người đều bình đẳng, tùy theo cách hiểu thù thắng của các hữu tình, mà thị hiện ảnh tượng của Phật.

Theo kinh này nói: Chứng ngộ được Thể tánh bình đẳng của mười tướng, tánh bình đẳng này thông suốt cả Chân và Tục, cho nên duyên với tất cả cũng không hề có lỗi. Vì lẽ, nếu không duyên với thế tục, thì không thể tùy theo cách hiểu thù thắng của hết thấy hữu tình mà thị hiện ảnh tượng của chư Phật. Cũng không nên cho rằng thức Mạt-na nhiệm ô tương tự với trí bình đẳng, chỉ duyên với trí cảnh, vì phàm phu và Thánh nhân khác nhau, vì trái với Thánh giáo, vì những thứ còn lại không giống nhau.

Trí Diệu quán sát tương ứng với phẩm tâm, quán sát khắp tất cả tự tướng, cộng tướng vì đều không có chướng ngại khi duyên với tất cả cảnh giới đã được nhận biết.

Trí Thành sở tác tương ứng với phẩm tâm. Có nghĩa; chỉ duyên với năm loại hiện cảnh. Luận Trang Nghiêm nói: “Năm căn của Như Lai, mỗi mỗi đều chuyển biến đối với năm cảnh”.

Về nghĩa như thật, trí Thành sở tác cũng duyên với tất cả cảnh cũng không bị chướng ngại đối với cảnh nào hết.

Luận Trang Nghiêm nói: “Trí Thành sở tác đối với tất cả cảnh giới, khởi hiện các loại biến hóa không có số lượng, chẳng thể nghĩ bàn, làm tất cả nghĩa lợi cho các hữu tình”.

Trong kinh này nói: Trí Thành sở tác khởi tạo các sự việc biến hóa của ba nghiệp, quyết định lựa chọn tám mươi bốn ngàn tâm hạnh khác nhau của chúng sinh, diễn nói pháp đối trị, làm ra bốn ký luận, tiếp nhận mọi nghĩa của quá khứ-vị lai-hiện tại. Nếu trí này không duyên khắp tất cả cảnh giới, thì sẽ không có công năng này.

Lại nói: Tâm của Phật vốn tự tại không hề ngăn ngại, mỗi mỗi tâm đều có thể soi sáng tất cả cảnh, nhưng diệu lực tác ý, hoặc duyên với một pháp, hoặc duyên với tất cả. Vả lại, nói chuyển năm căn đối với năm cảnh, vì không nói như vậy thì không thành tự chứng.

Luận Tập Lượng nói: “Các tâm-tâm pháp đều chứng tự thể, gọi là hiện lượng”. Nếu không như vậy, thì như không từng trông thấy, không cho nên nhớ nghĩ. Vì vậy bốn trí luôn tương ứng với phẩm tâm, mỗi mỗi trí cũng có thể soi sáng, nhận biết tự thể. Vì sao không mâu thuẫn với pháp thế tục? Như con dao không tự cắt đứt đầu ngón tay, nếu nó không thể chạm đến đầu ngón tay ấy. Không trông thấy ngọn đèn... tự soi sáng chẳng? Làm thế nào biết được đèn... tự soi sáng? Hiện thấy không có bóng tối mà là ánh sáng hiển hiện rõ ràng. Nếu ngọn đèn không tự soi sáng thì phải có sự che khuất của bóng tối, sẽ không trông thấy. Vì vậy cho nên biết rằng ngọn đèn... đã tự soi sáng. Mà đèn... đã không phải là bóng tối thì đâu cần soi chiếu nữa. Như cái bình, chiếc áo... tự thể của chúng dù không phải là bóng tối, nhưng nếu không có ngọn đèn... soi sáng đến mặt bị che khuất do bóng tối thì không thế nào hiện thấy. Lúc ngọn đèn... soi sáng trừ hết bên có bóng tối, khiến được hiện thấy thì gọi là soi sáng. Ngọn đèn... cũng vậy, khi tự thể nảy sinh (phát sáng) thì phía có bóng tối che khuất bị loại trừ, khiến hiện rõ được trông thấy cho nên gọi là tự soi sáng.

Các tâm-tâm pháp mặc dù có hơn kém khác nhau, nhưng đều có thể duyên với bên ngoài, bên trong chứng đạt tự thể. Cũng như ánh sáng, đã có thể soi sáng cho người khác thì cũng có thể tự soi sáng mình, không phải như các pháp về dao... Pháp như vậy không thế nào cùng một loại như nhau. Đây là căn cứ theo tướng thô của các tâm-tâm pháp, đều có hai phần: Tướng-Kiến mà nói. Như phần biện luận về tâm-tâm pháp trong luận Tập Lượng đều nói có ba phần:

1. Phần đã được giữ lấy.
2. Phần luôn luôn giữ lấy.
3. Phần tự chứng.

Ba phần như vậy không một, không khác: Phần một là đều được lường xét, phần hai là luôn luôn lường xét, phần ba là quả của sự lường xét. Nếu phân biệt tỉ mỉ hơn, cần phải có bốn phần thì nghĩa trên mới được thành lập.

Vẫn với ba phần như trước, lại có thêm phần thứ tư là phần chứng tự chứng. Hai phần đầu là bên ngoài, hai phần sau là bên trong. Phần đầu chỉ là điều được nhận biết, các phần còn lại chung cho cả hai loại. Nghĩa là phần thứ hai chỉ nhận biết phần thứ nhất, hoặc hiện lượng, phi lượng, hoặc hiện lượng hoặc tỷ lượng.

Phần thứ ba tự chứng có thể chứng cho phần thứ hai và chứng cho phần thứ tư.

Phần thứ tư tự chứng có thể chứng cho phần thứ ba. Phần thứ ba và thứ tư đều thuộc về hiện lượng.

Từ đạo lý này, tuy là một thể, nhưng do nhiều phần hợp thành, cho nên “bất tức, bất ly”, trong ngoài đều nhận biết, không phạm lỗi vô cùng. Vì thế Kinh:

*Tâm chúng sinh hai tánh,
Trong ngoài tất cả phần,
Buộc do năng sở thủ,
Nhận thấy có khác nhau.*

Đại ý bài tụng này nói: Chúng sinh do hai phần tâm và tánh hợp thành, hoặc trong hoặc ngoài đều bị trói buộc do sở thủ và năng thủ trông thấy đủ mọi thứ hoặc “lượng” hay “phi lượng” hoặc “hiện lượng” hoặc “tỷ lượng”, phần nhiều đều khác biệt.

Bốn trí với phẩm tâm dù có nhiều phần, nhưng đều thuộc về “hiện lượng” vô lậu. Về nghĩa này, như ở chỗ khác đã phân biệt rộng hơn. Về công dụng của nghĩa thì gồm có nhiều phần, nhưng không phải là tự thể có khác biệt. Như khổ-vô thường... trong một pháp, các loại nghĩa đều riêng biệt mà thể vẫn là một.

Lại nữa, đã nói bốn trí tương ứng với phẩm tâm như vậy là vì có tương phần-kiến phần chăng? Quyết định có kiến phần soi sáng và cảnh đã được soi sáng. Có phần tự chứng soi sáng chung cho kiến phần và phần chứng tự chứng. Phần chứng tự chứng soi sáng cho phần tự chứng, cũng quyết định là có. Vì nếu không có ba phần khác biệt như vậy, thì sẽ không có gì được duyên, sẽ không gọi là trí, vì tương phần không có

định.

Có nghĩa: Phẩm tâm vô lậu chân thật, không có chướng ngại, trực tiếp soi sáng cảnh trước, không đuổi theo tâm Biến hiện tựa như tướng của cảnh trước. Vì tâm vô lậu, cho nên gọi là vô tướng, không phân biệt. Lại nói là duyên với cảnh không nghĩ bàn.

Có nghĩa: Phẩm tâm vô lậu chân thật, cũng có tướng phần, các tâm-tâm pháp pháp như vậy giống như cảnh hiển hiện gọi là duyên, không phải như động tác giữ lấy vật dụng của chiếc kìm... không phải như ngọn đèn... tỏa ra ánh sáng để soi chiếu cảnh vật, mà như gương sáng... hiện rõ hình ảnh soi sáng cảnh vật. Do cảnh giống nhau, ảnh hiện rõ ràng và soi sáng, gọi là không chướng ngại. Không chấp giữ, không suy tính gọi là vô tướng, cũng không phân biệt. Công dụng mẫu nhiệm khó lường xét, gọi là không thể nghĩ bàn, không phải là không hiện rõ hình ảnh. Nếu nói là vô tướng thì không có tướng phần. Nói là không phân biệt thì sẽ không có kiến phần, cũng không có tướng phần và kiến phần cho nên như hư không, hoặc như sừng thỏ... thì sẽ không gọi là trí.

Vì không chấp giữ-không suy tính, cho nên nói là không có các tướng của năng thủ-sở thủ, chứ không phải không dùng nghĩa soi sáng cảnh-duyên tương tự. Nếu tâm vô lậu hoàn toàn không có tướng phần thì chư Phật không thể biến hiện các loại ảnh tượng của thân tướng và quốc độ...

Như vậy thì trái ngược với nhiều nơi trong kinh luận, chuyển chỗ dựa của sắc uẩn không được sắc, chuyển chỗ dựa của bốn uẩn sẽ không có thức... thì trở thành lỗi lầm vô cùng.

Có nghĩa; trí không phân biệt, vô lậu tương ứng với phẩm tâm, vì không phân biệt, Chân như của pháp được duyên không xa rời tự thể, cho nên như soi sáng tự thể thì không có tướng phần riêng. Nếu trí hậu đắc tương ứng với phẩm tâm thì có phân biệt về cảnh giới của pháp được duyên, hoặc xa rời tự thể. Như cảnh tương giống nhau của tâm hữu lậu, hiện bày rõ ràng nhờ vào duyên soi sáng. Nếu tâm vô lậu duyên theo sự tách rời cảnh của tự thể, không giống với tướng của tự thể mà có được duyên dựa, thì theo “Luận Quán sở duyên”: Không cho nên nói trên năm thức vì không có tướng giống như vật thể cực vi cho nên không phải là pháp được duyên của tâm vô lậu. Như vậy, tướng cảnh đồng với tâm vô lậu, khi chủng tử vô lậu phát sinh tác dụng, dù có giống như pháp hữu lậu đi nữa nhưng không phải là hữu lậu. Như tâm hữu lậu dù có giống với tướng vô lậu nhưng không phải là vô lậu.

Cho nên đừng sự bàn luận rộng. Sự phân biệt như vậy chỉ căn cứ theo đạo lý và ngôn thuyết của thế tục, chứ không phải căn cứ trên nghĩa thù thắng (nghĩa chân lý thứ nhất). Nếu căn cứ theo thắng nghĩa thì xa lìa mọi nói năng, dứt hết mọi suy nghĩ. Đã không có kiến phần-tướng phần thì không thể nói về tâm-tâm pháp... vì xa lìa mọi hý luận, không thể tư duy bàn luận.

Lại nữa, đã nói bốn trí tương ứng với phẩm tâm như vậy, thì có bao nhiêu tâm pháp cùng tương ứng với bốn trí? Có hai mươi mốt: Nghĩa là năm biến hành, năm biệt cảnh và mười một pháp thiện.

Đối với mọi nơi chốn thường xuyên trải khắp, Đức Như Lai luôn ưa hiểu rõ về cảnh đã được nhận biết, vì sự ham muốn không giảm. Vì thường xuyên không giảm đối với cách hiểu thù thắng nơi ẩn tượng của cảnh. Từng hiểu rõ cảnh cảm nhận, và sự nhớ nghĩ không giảm, cho nên Như Lai không có tâm bất định, luôn luôn quyết định lựa chọn, vì thường tương ứng với niềm tin tưởng rất trong sạch... cho nên không nhiễm ô, không ngủ nghĩ, không hối hận (ố tác), mà chứng ngộ hiện thực, tất cả không có tâm tứ. Phẩm tâm hữu lậu hơn kém không nhất định, pháp được duyên bị ngăn ngại tương ứng với tâm pháp hoặc nhiều hay ít. Phẩm tâm vô lậu luôn tự tại không ngăn ngại, tâm pháp bình đẳng không gây chướng ngại cho nhau.

Lại nữa, đã nói bốn trí tương ứng với phẩm tâm như vậy, quả vị nào chứng đắc đầu tiên? Ở vị trí nào đang hiện hành chủng tánh vô lậu vốn có từ vô thủy, dựa vào thức dị thực, sinh diệt nối tiếp nhau?

Sau khi phát tâm nhờ vào sự huân tập bên ngoài, tăng trưởng dần dần, trí Đại viên cảnh tương ứng với phẩm tâm, khi định Kim cang dụ hiển hiện trước mắt, chuyển biến diệt trừ tất cả chủng tử hữu lậu trong thức dị thực... Bấy giờ, mới được hiện hành tất cả chủng tử vô lậu của quả vị Phật đầu tiên, nương tựa viên mãn, tận cùng thời gian vị lai, thường xuyên không gián đoạn cho nên trí Bình đẳng tánh tương ứng với phẩm tâm.

Bồ-tát địa thứ nhất, lúc mới quán sát hiện thực lần đầu, mới khởi sự hiện hành. Từ đó trở đi, trong các địa về sau, tu tập khiến tăng trưởng, thanh tịnh viên mãn. Khi quán sát vô lậu... đã hiển hiện trước mắt thì luôn luôn hiện hành. Nếu khi tâm hữu lậu hiện tiền, thì lập tức gián đoạn. Cứ lần lượt như vậy, cho đến mười địa. Khi tâm sau cuối từ đó về sau đến, tận cùng thời gian vị lai, thường xuyên không gián đoạn.

Như thức A-lại-da ở vị trí hữu lậu luôn cùng khởi hiện với toàn bộ thức Mạt na.

Trí Đại viên cảnh trong vị trí vô lậu, cũng thường xuyên khởi hiện cùng một lúc với trí Bình đẳng tánh, cho nên trí Bình đẳng tánh cũng không gián đoạn.

Trí Diệu quán sát tương ứng với phẩm tâm cũng tồn tại ở địa thứ nhất. Khi mới quán sát hiện thực, lần đầu tiên mới hiện hành. Từ đó về sau tu tập dần được tăng trưởng. Nếu khi tâm hữu lậu chính thức hiện tiền, hoặc khi không có tâm, thì lập tức gián đoạn. Lần lượt như vậy cho đến quả vị Phật. Nếu nhập định diệt tận, cũng không hiện hành.

Trí Thành sở tác tương ứng với phẩm tâm. Có nghĩa; các quả vị từ địa thứ nhất trở lên đều được hiện hành, vì đã bước vào dòng pháp.

Về nghĩa như thật, thì quả vị Phật mới khởi, vì trong mười địa còn có thức dị thực đã biến đổi năm căn chứ không phải là vô lậu, có thể dựa vào năm thức, cũng không phải là vô lậu. Năm căn hữu lậu phát sinh thức vô lậu là điều chưa từng thấy. Ở trên quả vị Phật, trí này cũng không thường hiển hiện trước mắt, vì tác ý khởi hiện thường xuyên bị gián đoạn.

Bốn trí như vậy tương ứng với chủng tử của phẩm tâm, vốn có từ vô thủy, pháp như vậy không sinh từ sự huân tập, gọi là bản tánh ở trong chủng tánh. Sau khi phát tâm nhờ vào duyên bên ngoài huân tập mà phát triển tăng dần, gọi là do tu tập mà thành chủng tánh.

Từ địa thứ nhất trở lên, tùy theo sự thích ứng mới được hiện khởi. Thường dựa vào sự huân tập ngày càng thêm tốt đẹp, cho đến khi chứng đắc định Kim cang dụ. Từ đó về sau, mặc dù thường hiện hành nhưng không còn huân tập nữa, mà lại khiến cho tăng trưởng công đức được viên mãn đến nơi không thể gia tăng. Sự duy trì chủng tử của thức thanh tịnh, đã không phải là vô ký, cho nên không thể huân tập. Do đó công đức của Phật trước và Phật sau cho là nhiều-ít đều trở thành lỗi lầm.

Bốn trí như vậy tương ứng với phẩm tâm, luôn luôn là thiện, luôn luôn thuộc về Đạo đế vô lậu. Chư Phật không có chủng tử của tất cả các pháp hữu lậu, mặc dù trong hiện tại, chư Phật còn hóa làm thân sinh tử với nghiệp phiền não... giống như Khổ đế-Tập đế, nhưng thật sự là thuộc về Đạo đế vô lậu. Vì tùy theo tướng thế tục cho nên gọi là năm uẩn, mười hai xứ và mười tám giới... nhưng thật sự không phải là thuộc về uẩn-xứ-giới, xa lìa hý luận, vì xa lìa các tướng. Năm pháp như vậy đều thông cả giả-thật, không nhờ vào nói năng-tên gọi, vì căn cảnh còn lại này đều là thật có. Nếu nhờ vào tên gọi-nói năng thì căn, cảnh còn lại ấy đều là giả có.

Vả lại, lấy Chân như của pháp giới thanh tịnh làm Thể, là thật có.

Dựa vào Chân như để kiến lập các tướng Trạch diệt..., là giả có. Các tâm-trí... các sắc xanh-vàng... là thật có. Không phóng dật..., các hình sắc dài ngắn..., là giả có. Tạm thời dừng lại sự bàn luận rộng mà nên giải thích bản văn.

Phần 4 là do trong sự quyết định lựa chọn nghĩa sai biệt, lược nói có ba phần:

1. Quyết định lựa chọn năm pháp sai biệt.
2. Quyết định lựa chọn thọ dụng hòa hợp một vị với sự-trí.
3. Bài Tụng tổng kết về tướng của pháp giới thanh tịnh đầy đủ các công đức.

Trong ba thân sai biệt và năm pháp khác nhau, mỗi loại đều có quyết trạch theo thứ tự của nó.

Kinh: “Diệu Sinh cho nên biết! Pháp giới thanh tịnh ví như hư không, dù bao trùm các sắc trong đủ loại tướng, nhưng không thể nói có đủ loại tướng, vì thể tánh của hư không chỉ là một vị. Như vậy, pháp giới thanh tịnh của Như Lai, dù trải rộng đến khắp các loại tướng tương tự của cảnh giới đã được nhận biết, nhưng không thể nói là có các loại tướng, vì thể tánh chỉ là một vị”.

Luận: Sau đây, sẽ chỉ rõ về tướng của pháp giới thanh tịnh. Giải thích vấn nạn về quyết định lựa chọn pháp giới sai biệt. Nghĩa là có người vấn nạn: Nếu các Như lai lấy pháp giới làm tánh, thì pháp giới là dụng và Chân như là Thể. Chân như tức là tướng chung của các pháp. Các pháp đã có các loại sai biệt, thì pháp giới tùy theo các pháp đó, làm sao pháp giới lại không có các loại sai biệt? Nếu pháp giới có các loại sai biệt thì làm sao thanh tịnh? Không phải là Pha-chi-ca (pha lê) với các loại nương dựa cùng tương ứng, cho nên không có các loại tướng.

Để giải thích vấn nạn này cho nên Như Lai đầu tiên đã nói dụ hư không rộng lớn.

Ví như hư không, dù bao trùm khắp các sắc trong đủ loại tướng: Tức là như hư không ở thế gian dù có trải rộng khắp tất cả sắc có hình thể trở ngại... không đồng loại trong tướng sai biệt, do sự sai biệt của các phẩm loại cho nên gọi là chủng chủng. Tự thể của chúng đều tập trung ở phần trên như giác tuệ... và hiển hiện rõ ràng cho nên gọi là Tướng, tức là hành tướng. Nhưng không thể nói là có đủ loại tướng: Tức là như hư không ấy không thể nêu bày là có đủ loại sắc tướng với hình thể trở ngại.

Do hư không này với thể tánh của nó tự nhiên như vậy thì không cho nên nói, cho nên gọi là không thể nêu bày, hoặc không có khả năng

diễn tả cho nên gọi là không thể nói. Nghĩa là, vì tính chất của hư không ấy là như vậy, không thể nói là có các loại có thể biểu thị cho các sắc tướng, cũng không thể nói là có các loại đã được biểu thị cho các sắc tướng. Nhưng thấy hư không có các loại tướng, và có thể nói là có các loại tướng, tức là thấy các loại sắc tướng trong hư không ấy chứ không phải là thấy hư không. Cũng tạm thời nói là có các loại sắc tướng như xanh-vàng... hoặc dài-ngắn..., đều không phải thật có. Không phải giả nói là có thì có thật sự. Vì sao hiện bày khắp trong hết thảy các sắc?

Không có các loại tướng, vì tự Thể chỉ có một vị. Không phải như hư không này, do tướng ứng với các loại sắc tướng cho nên thành các loại tướng. Không bỏ tự tánh vì Thể chỉ có một vị, không chướng ngại, không có tướng khác biệt.

Như vậy, pháp giới thanh tịnh của Như Lai, như hư không của thế gian là có Thể tánh hay không có Thể tánh? Mặc dù tất cả hình sắc có ngăn ngại được bao trùm trong hư không, nhưng vẫn không tùy thuộc để trở thành các hình thể, trở ngại sai biệt. Cũng không thể nói là hư không có các sắc tướng. Tuy cũng nói là có, nhưng chỉ là giả có, chứ không phải là thật có. Do hư không ấy không bỏ tự tướng của nó để nhận lấy tướng nào khác. Như tuy giả nói là hư không, nhưng tánh của hư không thật ra không thể nêu bày.

Pháp giới thanh tịnh cũng lại như vậy, chân không giữa chân không, nhưng tánh của chân không thật sự thì không thể nêu bày. Vì như trước đây đã nói, hư không ấy vốn tương ứng với các loại nung tựa như Pha-chi-ca (pha lê).

Pháp giới phải có các loại riêng biệt, thì có sai lầm vì không nhất định. Hiện thấy hư không, tuy tương ứng với các loại sắc tướng, nhưng không có các loại sắc tướng như khói-sương mù... cùng tương ứng với hư không, có lúc trông thấy khoảng không gian có các loại tướng, do sức phân biệt hư vọng của mình, chỉ trông thấy có các loại tướng như khói... chứ không phải trông thấy hư không, vì lẽ tánh của hư không thì không thể trông thấy.

Như vậy, do sức tăng thêm cho ý thức phân biệt hư vọng, cho nên chỉ trông thấy có các loại tướng của sắc, chứ không phải là pháp giới thanh tịnh.

Trong pháp giới thanh tịnh dù không có các loại cảnh giới chân thật của giáo pháp, ngôn thuyết, nhưng vẫn có các loại chuyển biến của tướng sai biệt giữa giáo pháp và các cảnh giới, chứ không phải do pháp giới kia có các loại tướng, cũng khiến cho pháp giới có các loại tướng.

Do pháp giới thanh tịnh vốn tách rời danh từ-lời nói. Tất cả danh-ngôn đều dùng sự phân biệt đã được dấy khởi làm cảnh. Nhưng các giáo pháp cũng không vô ích, mà là nhân tố lần lượt sẽ được chứng ngộ pháp giới. Như thấy chữ viết thì hiểu nghĩa đã nói. Vì giáo pháp này là tâm Đại Bi của các Như Lai đã tuôn chảy, có thể lần lượt giảng nói với nghĩa xa lìa mọi ngôn thuyết. Như dùng nhiều màu sắc mà vẽ vào trong khoảng hư không là điều rất hy hữu. Nếu dùng ngôn thuyết để nói về nghĩa xa lìa mọi ngôn thuyết, thì lại vượt quá ví dụ kia. Như nói về biển tuệ.

Ví như có người dùng các loại màu sắc rực rỡ để vẽ vào hư không là nơi không sắc, không thấy, không đối, không biểu thị, như vẽ bức tường thì thật là chuyện hiếm có.

Chư Phật Thế Tôn đã chứng đắc pháp hết sức thâm diệu xa lìa mọi ngôn thuyết, mà có thể dùng ngôn thuyết vì các hữu tình chúng sinh để, khai thị giảng nói, lại còn khó hơn dụ vừa nêu trên.

Nói rộng ra như vậy. Lại nữa, pháp giới dùng Pha-chi-ca (pha lê) làm tánh cũng là thanh tịnh, không phải là dụ cùng pháp, vì nghĩa của chỗ lập nhân nếu chỉ tùy theo một thì không thành, hoặc cả hai cũng không thành.

Kinh: “Lại nữa, như hư không dù trải rộng khắp các sắc chứ không rời bỏ nhau, nhưng không bị sắc làm cho ô nhiễm. Như vậy, pháp giới thanh tịnh của Như Lai, dù trải rộng khắp tâm tánh của tất cả chúng sinh, chính vì sự chân thật mà không rời bỏ nhau, nhưng vẫn không bị lỗi lầm của chúng sinh làm cho ô nhiễm”.

Luận: Lại có người nêu vấn nạn: Nếu pháp giới thanh tịnh trải rộng trong tất cả cảnh giới đã được nhận biết thì cũng cùng với các thứ phiền não cấu uế như tham... tương ứng, tại sao không biết các phẩm tâm-tâm pháp hữu lậu khác trở thành không thanh tịnh?

Giải thích vấn nạn này, Đức Như Lai đưa ra thí dụ về hư không lớn thứ hai. Lại nữa, như hư không dù trải rộng khắp các sắc chứ không rời bỏ nhau: Tức là không có xứ riêng, cho nên gọi là không rời bỏ nhau.

Vì hư không trải rộng và chuyển động ở nội tại, không trông thấy biểu hiện bên ngoài. Đã chuyển động ở bên trong, không biểu hiện ra bên ngoài thì không thể nhất định nói là một hay là khác. Nếu hư không có xứ riêng thì hư không ấy phải có hình tướng trở ngại, phải là vô thường, nhưng nó không bị nhiễm ô do lỗi lầm của các sắc. Như hư không to lớn kia dù trải rộng khắp tất cả hình sắc có tính chất ngăn ngại, nhưng nó vẫn không bị ô nhiễm do lỗi lầm của sắc.

Lỗi lầm của sắc; là nhân làm sinh trưởng các thứ tham lam-giận

dữ..., chứ không phải do những tướng dị biệt như xanh-vàng...

Lại nữa, hết thấy các thứ mây-sương mù-màu sắc hình ảnh hiện có trong hư không, có thể làm cho nó buông bỏ tướng thanh tịnh, và có thể gây chướng ngại cho sự phát sinh cái thấy trong lành về hư không, cho nên gọi là lỗi lầm của sắc.

Lại nữa, hình tướng của cảnh giới gia tăng trên tâm đó gọi là lỗi lầm của sắc. Vì tùy theo ý của chúng sinh cho nên Như Lai mới nói như trước, chứ không phải hư không bị ô nhiễm do lỗi lầm của các sắc kia, vì tự tánh của hư không vốn thanh tịnh.

Như vậy, pháp giới thanh tịnh của Như Lai dù trải rộng khắp trong tâm tánh của tất cả chúng sinh, do chân thật mà không rời bỏ nhau: Như tự tâm của Phật là thanh tịnh chân thật, là bản tánh sáng sạch, bản tánh thanh tịnh, cho nên tâm tánh của hết thấy chúng sinh cũng vậy, là bản tánh Chân thật, bản tánh thanh tịnh. Bản tánh của tâm, tức là Chân như. Tâm của tất cả chúng sinh đều có tánh bình đẳng. Như nói: Do đâu mà nói là tâm bình đẳng? Do tánh Không, cho nên nói là tâm bình đẳng. Nói rộng như vậy, thì bản tánh của tâm, tức là pháp tánh của tâm luôn trùm khắp trong tâm tánh của tất cả chúng sinh. Vì vậy cho nên gọi là tánh bình đẳng của tâm.

Vì biện giải về pháp tánh của tâm như vậy cho nên nói do chân thật mà không rời bỏ nhau, vì tâm tánh của hữu tình ấy vốn là thanh tịnh. Dù bản tánh thanh tịnh, nhưng do khách trần hiện có gây nhiều trở ngại uế tạp cho nên phải xa rời nó, an lập trong chân tâm thanh tịnh của Như Lai.

Lại nữa, tánh bình đẳng trong tâm của các hữu tình, chính là sự chân thật thuộc về tự tánh Viên thành thật. Do tướng chân thật của tánh bình đẳng trong tâm của các hữu tình, biểu thị bằng sự không rời bỏ, vì tâm của các chúng sinh lại là tướng chân thật của tâm tánh, biểu thị bằng sự không rời bỏ. Vì tâm tánh của tất cả hữu tình mà chuyển biến. Đại ý nói: Vì chuyển biến cùng khắp cho nên không rời bỏ nhau. Nhưng nói tánh không bị ô nhiễm vì lỗi lầm của sắc kia là vì bản tánh vốn thanh tịnh.

Lỗi lầm tức là tham... có thể khiến cho tướng của tâm trở thành lỗi lầm, trở thành cấu nhiễm. Mặc dù bị khách trần phân biệt chuyển biến, nhưng chúng không phải là bản thể của tâm, cho nên không thể hoàn toàn rời bỏ, lại có thể khiến cho tâm được thanh tịnh.

Dựa vào mật ý này để nêu bày như vậy. Tâm này là bản tánh thanh tịnh-sáng sạch, là pháp tánh của tâm cho nên gọi là tâm, chẳng

phải là lìa pháp tánh của tâm mà có tâm thanh tịnh của tánh khác. Vậy tại sao tâm của hữu tình có tham...? Vì sức mạnh phân biệt của tự mình mà giữ lấy cho nên tâm điên đảo của hữu tình chưa vĩnh viễn đoạn trừ. Đây là vì sức mạnh của vô minh đã khởi hiện. Nghĩa này ý nói: Ví như bản tánh của hư không tuy trong sạch, nhưng người đang bị đau mắt sẽ nhìn thấy mọi hình sắc lộn ngược, cho nên thấy hư không đã bị cấu nhiễm. Như vậy, bản tánh của pháp giới dù trong sạch, nhưng do tự phân biệt cho nên đã phát sinh năng lực của các nhân duyên như tham... Màng mắt bệnh vô minh gây tổn hại cho mắt tuệ, cho nên mắt nhìn lộn ngược với mọi hình tướng mà trông thấy pháp giới như là không thanh tịnh. Nếu mắt tuệ của bậc Nhất thiết chủng trí thanh tịnh thì vĩnh viễn không thấy cấu uế.

Lại nữa, pháp giới thanh tịnh nếu không sai biệt, thì Nhất thiết chủng trí thanh tịnh được gọi là Pháp thân của tất cả Như Lai, cũng gọi là Thể tánh chân thật của Như Lai, vì thường còn không thay đổi trong tất cả thời gian.

Do pháp giới này cho nên tâm của tất cả hữu tình bình đẳng hiện hữu trong sự tương tục. Do đó nói như vậy: “Tất cả hữu tình là Như Lai tạng. Tất cả hữu tình đều có Phật tánh”. Vì muốn dẫn dắt những hữu tình có chủng tánh không nhất định khiến cho tâm quyết định hướng về Đại thừa.

Đến với các hữu tình có chủng tánh Như Lai, thì nói như vậy: “Tất cả hữu tình đều sẽ làm Phật”.

Như có chỗ nói: “Tất cả vô thường, tất cả đều khổ”. Như vậy đều là nói một phần ít trong tất cả, chứ không phải là nói toàn phần trong tất cả. Nếu không như vậy thì trái với điều đã giảng nói về năm loại chủng tánh. Nếu cho công đức của chư Phật sẽ có nơi cùng tận, vì không có ai được hóa độ, thì trái với chỗ đã nêu giảng: “Công đức của Như Lai là thường còn, không dứt hết, chẳng phải là vô ích, vì thường trú ở thế gian, vì bản nguyện độ sinh, muốn cho chúng sinh đều mong cầu quả vị Phật”.

Pháp giới thanh tịnh này dù trải rộng khắp tất cả, bình đẳng đều có, nhưng do sức chướng ngại của mình đã giữ lấy, như người mù bẩm sinh ở thế gian, không thấy được mặt trời, mặt trăng. Như có tụng nói:

*Tội chúng sinh không hiện,
Như trăng trong chậu bể,
Đây khắp các thế gian,
Pháp sáng như mặt trời.*

Vì đạo lý này, như trước đã nói, cũng là vì tương ứng với các phiền não cấu uế như tham... như phẩm tâm-tâm pháp hữu lậu khác, mà pháp giới thanh tịnh sẽ trở thành không thanh tịnh: Tức là có lỗi lầm không quyết định. Dù tương ứng với chỗ cấu uế của sắc, nhưng hư không vẫn không phải là không trong sạch. Dù tương ứng với các phiền não như tham... nhưng lại dùng pháp giới thanh tịnh làm tánh, cho nên các phẩm tâm-tâm pháp không phải là không thanh tịnh. Đây không phải là dụ đồng pháp. Như nói ý ưa thích điều không thanh tịnh, vì thấy tâm mình không thanh tịnh, từ đó cũng nói pháp giới không thanh tịnh, vì tướng thanh tịnh không hiển hiện.

Ý ưa thích thanh tịnh; tuy thấy tương ứng với các cấu uế như tham..., nhưng bản tánh của tâm là thanh tịnh, không cấu nhiễm, cho nên thấy pháp giới thường thanh tịnh.

Nhân mà người kia đã lập, như trước thì không thành, vì pháp giới này trải rộng khắp tất cả. Ví như hư không, các lỗi của các hữu tình không thể làm cho cấu nhiễm. Đây là nói pháp giới trải rộng tất cả, là chấp lấy pháp Không mà cho đều là có, không cần phải thành lập.

Kinh: “Lại như hư không hàm chứa tất cả nghiệp của thân-miệng-ý, nhưng hư không ấy không có tạo tác. Như vậy, pháp giới thanh tịnh của Như Lai hàm chứa Nhất thiết trí với những sự biến hóa làm lợi ích cho chúng sinh, nhưng pháp giới thanh tịnh không có khởi tạo”.

Luận: Có người nêu vấn nạn: Nếu pháp giới thanh tịnh của Như Lai lấy Chân như làm Thể, thì không hý luận, cũng không khởi hiện tạo ra, vì sao có thể dung nạp nhân duyên phát sinh trí để làm lợi ích cho hữu tình? Nếu dung nạp trí phát sinh thì có khởi tạo, tại sao nói Như Lai lấy Chân như làm tướng?

Để giải thích vấn nạn này, Đức Như Lai nói dụ về hư không lớn thứ ba: Lại như hư không hàm chứa tất cả nghiệp của thân-ngữ-ý: Như hư không rộng lớn, dù không tác ý mà vẫn có thể tiếp nhận dung nạp ba nghiệp của hữu tình. Hai nghiệp thân-ngữ vì có hình tướng ngăn ngại, có thể cần sự tiếp nhận dung nạp. Còn ý nghiệp thì thế nào? Không có hình chất, không có đối ngại, tại sao vẫn cần hư không tiếp nhận dung nạp? Chính vì sự việc này, cho nên gọi là tiếp nhận dung nạp. Nghĩa là khi chúng phát sinh thì không bị chướng ngại. Vật có đối ngại cũng do lúc phát sinh không có chướng ngại, cho nên gọi là chỗ dung nạp tiếp nhận của hư không. Pháp này cũng như vậy, khi sinh thì không bị chướng ngại mà được sinh, cho nên cũng được gọi là hư không dung nạp hàm chứa. Lại nữa, vật có đối, lúc không bị đối ngại, có thể dung nạp

các vật khác được qua lại.

Dựa vào pháp này cho nên trên đây đã giả lập về hư không. Nghiệp của ý cũng vậy, khi sắp diệt thì tiếp nhận dung nạp vật khác khiến cho được sinh khởi. Vì sao không được? Vì dựa vào pháp ấy cho nên trên đây giả lập về hư không. Nếu khác với pháp này mà thật có hư không bao trùm khắp tất cả nơi chốn thì làm sao tiếp nhận dung nạp? Nếu thể của hư không là thật có cho nên không chướng ngại, thì pháp khác được sinh gọi là tiếp nhận dung nạp; tức là tất cả pháp không có sắc mà thật có Thể đều không chướng ngại, đều có thể tiếp nhận dung nạp, cho nên gọi là hư không.

Có nơi khác nói: Vì không có sắc cho nên gọi là hư không; là căn cứ vào tướng thô cả thế gian đều biết mà nói. Vì vậy hư không tiếp nhận dung nạp cả ba nghiệp cũng không có lỗi lầm.

Nhưng hư không này không có khởi tạo. Nghĩa là không phải hư không này phân biệt như vậy: “Mình tiếp nhận, dung nạp vật này chứ không tiếp nhận dung nạp vật kia”. Tuy không tác ý mà có thể tiếp nhận dung nạp.

Mặt trời, mặt trăng, ngọn đèn... với mọi ánh sáng hiện có cũng lại như vậy. Tuy không tác ý phân biệt kia đây, nhưng pháp như vậy khi phát sinh thì có thể soi chiếu các sắc. Ngọc báu Như ý cũng lại như vậy, dù không tác ý mà có thể đáp ứng thỏa mãn ý nguyện của chúng sinh. Các thí dụ khác cũng vậy. Lại nêu chỗ giống với hư không để làm sáng tỏ tất cả.

Như vậy, pháp giới thanh tịnh của Như Lai hàm chứa mọi biến hóa của Nhất thiết trí làm lợi ích cho chúng sinh. Nghĩa là pháp giới thanh tịnh của các Như Lai theo tánh mà an trú, không có tác ý, an lập tất cả việc làm lợi ích cho chúng sinh.

Nhất thiết trí, là trí Đại viên cảnh...

Tất cả sự biến hóa là, thân-miệng-ý biến hóa. Tất cả việc làm lợi ích cho chúng sinh, nghĩa là có thể hoàn thành việc lợi lạc thù thắng cho tất cả hữu tình.

Pháp giới thanh tịnh đều có thể hàm chứa, tức là khi pháp kia sinh khởi thì pháp giới làm nhân hỗ trợ.

Pháp giới thanh tịnh không có khởi tác; tác ý gọi là khởi, có thể khiến cho tâm của hữu tình rời bỏ cảnh giới khác hướng đến duyên khác.

Tâm động gọi là tác. Tâm suy nghĩ-dao động có hành được tạo tác, nghĩa là pháp giới thanh tịnh dù không có tác ý, nhưng tâm suy

ngĩ-dao động thì vẫn có thể tiếp nhận dung nạp các loại biến hóa của trí làm lợi ích cho hữu tình.

Lại nữa, tiếp nhận dung nạp sự biến hóa của Nhất thiết trí làm lợi ích cho chúng sinh, nghĩa là pháp giới thanh tịnh tiếp nhận dung nạp tất cả hai thân Thọ dụng, Biến hóa, vì sự tạo ra nhân làm lợi ích cho hữu tình là không cùng tận, rất rộng lớn, không đối lập-ngăn ngại. Dù không phân biệt nhưng do sức tăng thượng cho nên có khả năng phát sinh việc lợi ích.

Nghĩa tổng quát này nói: “Như hư không bình đẳng dung nạp mọi chuyển biến, tác dụng của sắc khi phát sinh... tuy không có ngã và ngã sở tác ý phân biệt, hý luận, nhưng do diệu lực của pháp như vậy đã tạo ra tất cả tác dụng sai biệt rộng khắp.”

Như vậy Đức Như Lai an trú trong cảnh giới vô lậu, dù không có tất cả những thứ phân biệt-tác ý-hý luận của ngã và ngã sở... nhưng do trước đây Như Lai đã tu tập thệ nguyện với diệu lực vĩ đại cho nên có khả năng phát khởi mọi biến hóa của Nhất thiết trí làm lợi ích cho chúng sinh.

Như vậy, Như Lai đã an trú trong Pháp thân khó tư duy bậc nhất. Do diệu lực của thệ nguyện trước kia đã giữ vững cho nên tất cả tướng tốt, công đức trang nghiêm, tận cùng giới hạn của sinh tử, số lượng đời kiếp nối tiếp nhau, tuy không phân biệt nhưng làm mọi việc lợi ích cho chúng sinh nhờ sự biến hóa của Nhất thiết trí.

Đức Như Lai dù không phân biệt như vậy này: Đối với sự nghiệp như vậy, như vậy, Ta sẽ làm hay không làm. Nhưng với diệu lực của bản nguyện, cho nên có thể hành hóa hết thảy. Như trước kia đã phát nguyện, hoặc đi vào giấc ngủ, hoặc nhập định diệt tận, tuy không tác ý, nhưng vẫn tùy thuận chúng sinh cần được giác ngộ mà xuất định.

Như kinh Hải Tuệ, Đức Phật đã nói: “Như các Bí-sô phải chờ nghe được tiếng chuông mà nhập định diệt tận, không nghe tiếng chuông cũng không phân biệt, do diệu lực của sự mong cầu mà xuất định đúng giờ”. Nói rộng như vậy.

